

Số: /2026/NQ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm

NGHỊ QUYẾT

Xử lý khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng,
quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công chứng số 46/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 206/2025/QH15 về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Chính phủ ban hành Nghị quyết xử lý khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng để xử lý khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Điều 66 Luật Công chứng số 46/2024/QH15 về Cơ sở dữ liệu công chứng.

Điều 2. Xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng

1. Cơ sở dữ liệu công chứng được xây dựng bao gồm thông tin về công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng, thông tin về giao dịch được công chứng, thông tin về biện pháp ngăn chặn và cảnh báo rủi ro trong hoạt động công chứng, văn bản công chứng và các tài liệu khác trong hồ sơ công chứng.

2. Cơ sở dữ liệu công chứng do Bộ Tư pháp xây dựng và quản lý đồng bộ, thống nhất từ trung ương đến địa phương.

3. Cơ sở dữ liệu công chứng phải được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời và bảo đảm an ninh, an toàn theo quy định của pháp luật. Việc thu thập, khai thác, sử dụng và cung cấp thông tin Cơ sở dữ liệu công chứng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, dữ liệu, bí mật cá nhân, an ninh mạng.

4. Việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu công chứng với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các cơ sở dữ liệu khác phải bảo đảm tuân thủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, bảo đảm hiệu quả, an toàn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, cơ quan, địa phương theo quy định của Nghị quyết này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Nền tảng công chứng điện tử phải kết nối với Cơ sở dữ liệu công chứng để cung cấp thông tin cập nhật vào Cơ sở dữ liệu công chứng theo thời gian thực.

5. Kinh phí xây dựng, quản lý, vận hành, bảo trì, nâng cấp Cơ sở dữ liệu công chứng được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tư pháp ban hành Quy chế quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng, chia sẻ Cơ sở dữ liệu công chứng; đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Công chứng số 46/2024/QH15 để bảo đảm thống nhất, đồng bộ.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo việc cập nhật, kiểm tra, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của dữ liệu công chứng tại địa phương.

3. Tổ chức hành nghề công chứng có nghĩa vụ cung cấp thông tin để đưa vào Cơ sở dữ liệu công chứng; trường hợp nhận bàn giao hồ sơ của Văn phòng công chứng tạm ngừng hoạt động, tổ chức hành nghề công chứng giải thể hoặc chấm dứt hoạt động thì có trách nhiệm cập nhật thông tin liên quan đến hồ sơ bàn giao vào Cơ sở dữ liệu công chứng từ thời điểm nhận bàn giao.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Cơ sở dữ liệu công chứng của các địa phương được xây dựng trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành được tiếp tục quản lý, khai thác, sử dụng theo quy định của Luật Công chứng số 46/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành cho đến ngày Cơ sở dữ liệu công chứng quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Nghị quyết này được xây dựng, đưa vào vận hành, sử dụng chính thức và các dữ liệu cần thiết trong Cơ sở dữ liệu công chứng của các địa phương đã được đồng bộ đầy đủ, chính xác vào Cơ sở dữ liệu công chứng này theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2026 đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027.

2. Bãi bỏ điểm k khoản 1 Điều 62, Điều 57, điểm 1 khoản 1 Điều 63 Nghị định số 104/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.

3. Trong thời gian các quy định của Nghị quyết này có hiệu lực, nếu quy định về xây dựng Cơ sở dữ liệu công chứng trong Nghị quyết này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

4. Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết, nghị định của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới có hiệu lực thi hành sau ngày Nghị quyết này được thông qua và trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì các quy định tương ứng được ban hành trong Nghị quyết này chấm dứt hiệu lực.

5. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Phụ lục danh mục văn bản quy phạm pháp luật được đề xuất sửa đổi, bổ sung để bảo đảm thống nhất, đồng bộ.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Quốc hội (để b/c);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CDS (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Hồ Quốc Dũng